

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 9 – 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và
cấp dưỡng cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay ấp T, xã H1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1985; cư trú tại ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết tìm hiểu nhau, chị và anh Nguyễn Quốc K tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến

mất hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, vợ chồng cố gắng điều hòa mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Nên chị và anh K thống nhất thỏa thuận mỗi người nuôi 01 con chung và sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị và anh K có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Gia H2, sinh ngày 10/01/2015 (hiện do anh Khanh nuôi dưỡng) và Nguyễn Gia Q, sinh ngày 27/7/2016 (hiện do chị nuôi dưỡng). Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Q, đồng ý giao cháu H2 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi 01 con nên chị không đồng ý cấp dưỡng cho cháu H và không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho cháu Q.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị và anh K không có tài sản chung, không nợ chung ai, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Nguyễn Quốc K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh K đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng cho con được quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Quốc K đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh K.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Tuyết N và anh Nguyễn Quốc K là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc, chị N và anh K có thời gian sống ly thân từ tháng 4/2018 không trở về đoàn tụ. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh K. Anh K không có ý kiến đối với yêu cầu

ly hôn của chị N. Căn cứ vào lời trình bày của chị N và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị N và anh K không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị N và anh K.

[4]. *Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*: Chị N, anh K có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Gia H2, sinh ngày 10/01/2015 và Nguyễn Gia Q, sinh ngày 27/7/2016. Chị N và anh K thống nhất thỏa thuận mỗi người nuôi 01 cháu, anh K nuôi cháu H2, chị N nuôi cháu Quý từ tháng 4/2018 cho đến nay. Chị N và anh K đều có đủ điều kiện nuôi con. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi cháu Q, không yêu cầu anh Khanh cấp dưỡng, chị đồng ý giao cháu H2 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng cho cháu H2. Anh K không có ý kiến đối với yêu cầu của chị N về vấn đề này. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết: Giao cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng cho cháu Q, giao cháu Huy cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng cho cháu H2; chị N và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do chị N không yêu cầu giải quyết, anh K không có ý kiến hoặc đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[9]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết chị N phải chịu án phí ly hôn và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Nguyễn Quốc K.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:

2.1. Giao cháu Nguyễn Gia Q, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2016 cho chị Lê Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc K không phải cấp dưỡng cho cháu Q.

2.2. Giao cháu Nguyễn Gia H2, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2015 cho anh Nguyễn Quốc K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Tuyết N không phải cấp dưỡng cho cháu H2.

2.3. Chị Lê Thị Tuyết N, anh Nguyễn Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Tuyết N phải nộp án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này chị N được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N₀ 0011854 ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Lê Thị Tuyết N là nguyên đơn. Vắng mặt anh Nguyễn Quốc K là bị đơn. Báo cho chị N có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh K vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã L: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Cao Minh Tân